BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 191 /TB-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO

Về tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu và phương thức xét tuyển
Đại học hệ chính quy năm 2022 (Thông báo số 1)

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGDĐT ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xác thực văn bản hợp nhất Thông tư Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Trường Đại học Giao thông vận tải thông báo tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu và phương thức xét tuyển Đại học hệ chính quy năm 2022 như sau:

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương).

2. Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước.

3. Phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu:

Năm 2022, Trường Đại học Giao thông vận tải tuyển sinh và đào tạo 31 ngành, trong đó có 10 chương trình tiên tiến, chất lượng cao và 02 chương trình liên kết quốc tế. Cụ thể như sau:

3.1. Tuyển sinh và đào tạo tại Hà Nội (Mã xét tuyển GHA): 4.150 chỉ tiêu cho các chương trình đại trà và các chương trình tiên tiến, chất lượng cao; 60 chỉ tiêu cho các chương trình liên kết quốc tế.

TT	Tên ngành	Mã ngành (Mã xét tuyển)	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu xét tuyển (dự kiến)				
				Theo kết quả thi TNTHPT năm 2022 và tuyển thẳng	Theo kết quả học bạ THPT	Theo kết quả ĐGTD năm 2022 của ĐHBK HN	Xét tuyển kết hợp	Tổng
Các chương trình đại trà								
1	Quản trị kinh doanh	7340101	A00; A01; D01; D07	50	35	15	0	**100**
2	Kế toán	7340301	A00; A01; D01; D07	60	35	15	0	**110**
3	Tài chính ngân hàng	7340201	A00; A01; D01; D07	30	10	10	0	**50**
4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00; A01; D01; D07	75	0	20	5	**100**

TT	Tên ngành	Mã ngành (Mã xét tuyển)	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu xét tuyển (dự kiến)				
				Theo kết quả thi TNTHPT năm 2022 và tuyển thẳng	Theo kết quả học bạ THPT	Theo kết quả ĐGTD năm 2022 của ĐHBK HN	Xét tuyển kết hợp	Tổng
5	Kinh tế	7310101	A00; A01; D01; D07	45	25	10	0	**80**
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00; A01; D01; D07	50	30	0	10	**90**
7	Khai thác vận tải	7840101	A00; A01; D01; D07	90	60	0	10	**160**
8	Kinh tế vận tải	7840104	A00; A01; D01; D07	90	60	0	10	**160**
9	Kinh tế xây dựng	7580301	A00; A01; D01; D07	70	50	0	0	**120**
10	Quản lý xây dựng	7580302	A00; A01; D01; D07	35	25	0	0	**60**
11	Quản lý đô thị và công trình	7580106	A00; A01; D01; D07	30	20	0	0	**50**
12	Toán ứng dụng	7460112	A00; A01; D07	25	15	10	0	**50**
13	Khoa học máy tính	7480101	A00; A01; D07	30	0	10	10	**50**
14	Công nghệ thông tin	7480201	A00; A01; D07	260	0	50	0	**310**
15	Công nghệ kỹ thuật giao thông	7510104	A00; A01; D01; D07	30	20	0	0	**50**
16	Kỹ thuật môi trường	7520320	A00; B00; D01; D07	30	20	0	0	**50**
17	Kỹ thuật cơ khí	7520103	A00; A01; D01; D07	90	50	20	0	**160**
18	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	A00; A01; D01; D07	60	0	15	5	**80**
19	Kỹ thuật nhiệt	7520115	A00; A01; D01; D07	45	25	10	0	**80**
20	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	A00; A01; D01; D07	95	55	20	0	**170**
21	Kỹ thuật ô tô	7520130	A00; A01; D01; D07	170	0	30	0	**200**
22	Kỹ thuật điện	7520201	A00; A01; D07	65	25	20	0	**110**

TT	Tên ngành	Mã ngành (Mã xét tuyển)	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu xét tuyển (dự kiến)				
				Theo kết quả thi TNTHPT năm 2022 và tuyển thẳng	Theo kết quả học bạ THPT	Theo kết quả ĐGTD năm 2022 của ĐHBK HN	Xét tuyển kết hợp	Tổng
23	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	A00; A01; D07	140	50	40	0	**230**
24	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	A00; A01; D07	90	0	40	10	**140**
25	Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo	7520218	A00; A01; D01; D07	35	0	15	0	**50**
26	Hệ thống giao thông thông minh	7520219	A00; A01; D01; D07	20	20	0	0	**40**
27	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00; A01; D01; D07	140	110	0	0	**250**
28	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210	A00; A01; D01; D07	30	20	0	0	**50**
29	Kỹ thuật xây dựng công trình thuỷ	7580202	A00; A01; D01; D07	25	15	0	0	**40**
30	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	A00; A01; D01; D07	300	180	0	0	**480**
Các chương trình tiên tiến, chất lượng cao								
31	Quản trị kinh doanh (Chương trình chất lượng cao Quản trị kinh doanh Việt - Anh)	7340101 QT	A00; A01; D01; D07	25	15	0	10	**50**
32	Kế toán (Chương trình chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh)	7340301 QT	A00; A01; D01; D07	35	25	0	10	**70**
33	Công nghệ thông tin (Chương trình chất lượng cao Công nghệ thông tin Việt - Anh)	7480201 QT	A00; A01; D07	45	25	0	10	**80**
34	Kỹ thuật cơ khí (Chương trình chất lượng cao Cơ khí ô tô Việt - Anh)	7520103 QT	A00; A01; D01; D07	45	25	0	10	**80**
35	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông)	7580201 QT	A00; A01; D01; D07	20	15	0	5	**40**

TT	Tên ngành	Mã ngành (Mã xét tuyển)	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu xét tuyển (dự kiến)				
				Theo kết quả thi TNTHPT năm 2022 và tuyển thẳng	Theo kết quả học bạ THPT	Theo kết quả ĐGTD năm 2022 của ĐHBK HN	Xét tuyển kết hợp	Tổng
36	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (gồm các Chương trình chất lượng cao: Cầu - Đường bộ Việt - Pháp, Cầu - Đường bộ Việt - Anh, Công trình giao thông đô thị Việt - Nhật)	7580205 QT	A00; A01; D01; D07	45	25	0	10	**80**
37	Kinh tế xây dựng (Chương trình chất lượng cao Kinh tế xây dựng công trình Giao thông Việt - Anh)	7580301 QT	A00; A01; D01; D07	20	15	0	5	**40**
38	Quản lý xây dựng (Chương trình chất lượng cao Quản lý xây dựng Việt - Anh)	7580302 QT	A00; A01; D01; D07	20	15	0	5	**40**
Các chương trình liên kết Quốc tế (do trường đối tác cấp bằng): Dành cho các thí sinh tốt nghiệp THPT, có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (tiếng Anh) tương đương IELTS từ 5.0 trở lên								
39	Chương trình liên kết quốc tế Ngành Quản lý xây dựng (Đại học Bedfordshire - Vương Quốc Anh cấp bằng, Học hoàn toàn bằng tiếng Anh)	7580302 LK	A00, A01, D01, D07	15	15	0	0	**30**
40	Chương trình liên kết quốc tế Ngành Quản trị kinh doanh (Đại học EM Normandie - Cộng hoà Pháp cấp bằng, Học hoàn toàn bằng tiếng Anh)	7340101 LK	A00, A01, D01, D07	15	15	00	0	**30**

3.2. Tuyển sinh và đào tạo tại Phân hiệu tại TP.HCM (Mã xét tuyển GSA): 1.470 chỉ tiêu

TT	Tên ngành	Mã ngành (Mã xét tuyển)	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu xét tuyển (dự kiến)			
				Theo KQ thi TNTHPT 2022 và tuyển thẳng	Theo kết quả học bạ THPT	Theo KQ kỳ thi ĐGNL của ĐHQG HCM 2022	Tổng
1	Quản trị kinh doanh	7340101	A00; A01; D01; C01	50	30	10	**90**
2	Kế toán	7340301	A00; A01; D01; C01	50	30	0	**80**
3	Tài chính ngân hàng	7340201	A00; A01; D01; C01	30	10	0	**40**
4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00; A01; D01; C01	70	30	10	**110**

TT	Tên ngành	Mã ngành (Mã xét tuyển)	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu xét tuyển (dự kiến)			
				Theo KQ thi TNTHPT 2022 và tuyển thẳng	Theo kết quả học bạ THPT	Theo KQ kỳ thi ĐGNL của ĐHQG HCM 2022	Tổng
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00; A01; D01; C01	50	20	0	**70**
6	Khai thác vận tải	7840101	A00; A01; D01; C01	25	15	10	**50**
7	Kinh tế xây dựng	7580301	A00; A01; D01; C01	80	20	0	**100**
8	Quản lý xây dựng	7580302	A00; A01; D01; C01	30	10	0	**40**
9	Công nghệ thông tin	7480201	A00; A01; D07	50	20	10	**80**
10	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	A00; A01; D01; D07	30	20	0	**50**
11	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	A00; A01; D01; D07	30	20	0	**50**
12	Kỹ thuật ô tô	7520130	A00; A01; D01; D07	50	20	10	**80**
13	Kỹ thuật điện	7520201	A00; A01; D01; C01	30	10	0	**40**
14	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	A00; A01; D01; C01	50	30	0	**80**
15	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	A00; A01; D01; C01	50	20	10	**80**
16	Kiến trúc	7580101	A00; A01; V00; V01	30	20	0	**50**
17	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00; A01; D01; D07	100	50	10	**160**
18	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	A00; A01; D01; D07	130	80	10	**220**

4. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển:

- Phương thức xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 và tuyển thẳng: Theo thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Phương thức xét theo Kết quả học bạ THPT: Dự kiến trong tháng 6/2022, khi thí sinh có đủ kết quả học tập của 03 năm THPT;
- Phương thức xét theo kết quả đánh giá tư duy của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội: Theo thời gian quy định của nhóm Trường sử dụng kết quả của kỳ thi đánh giá tư duy, dự kiến trong tháng 7/2022, sau kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022;
- Phương thức xét kết hợp: Dự kiến trong tháng 7/2022, sau khi thí sinh có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

Ghi chú:

- Các môn của Tổ hợp xét tuyển A00: Toán, Vật lí, Hóa học; A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh; B00: Toán, Hóa học, Sinh học; C01: Toán, Ngữ văn, Vật lí; D01: Toán, Ngữ văn,

Tiếng Anh; D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh; V00: Toán, Vật lí, Vẽ mỹ thuật; V01: Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật;

- Phương thức xét tuyển kết hợp: Xét kết hợp chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0 trở lên (còn hiệu lực đến ngày xét tuyển) và tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2022 thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường đạt từ 12.0 điểm trở lên (môn Toán và 01 môn khác không phải Ngoại ngữ).

- Nhà trường sẽ có Thông báo chi tiết kèm theo hướng dẫn cách nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển của từng phương thức xét tuyển trên website tuyển sinh của Trường.

5. Liên hệ:

TẠI HÀ NỘI: PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Phòng 209, nhà A9, Trường Đại học Giao thông vận tải

Số 3 phố Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37606352; 0979389372; 0396666831

Website: utc.edu.vn; tuyensinh.utc.edu.vn

Fanpage: https://www.facebook.com/dhgtvtcaugiay/

PHÂN HIỆU TẠI TP. HCM: PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Số 450 Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐT: (028) 38962819

Website: utc2.edu.vn; tuyensinh.utc2.edu.vn

Fanpage: https://www.facebook.com/GSA.TuVanTuyenSinh/

K.T.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Thanh Chương

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- PH tại TP.HCM (để t/h);
- Các đơn vị trong toàn trường (để ph/h);
- Các thí sinh (để t/h);
- Lưu HCTH, KT&ĐBCLĐT.